TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Trí

Bà Phan Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0938/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Mỹ H, sinh năm 1976 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: 16/1C đường L, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đại N, Luật sư của Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: 16/1C đường L, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyển số 01, ngày 04/12/2003 tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại địa chỉ 8/1 đường T, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 10/2017 chuyển về sinh sống tại địa chỉ 16/1C đường L, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2012, sau khi bà H sinh non trẻ thứ hai, ông T không có trách nhiệm và không quan tâm đến con. Tháng 11/2018 ông T bỏ đi khỏi nhà, thỉnh thoảng có gọi điện thăm con. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 03/8/2007 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 03/02/2012. Bà Hồ Thị Mỹ H yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu ông Nguyễn Đức T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị Mỹ H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Hồ Thị Mỹ H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Trần Đại N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ Hà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức T và ông T có nơi cư trú cuối cùng tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Đức T vắng mặt.

Bà Hồ Thị Mỹ H xác nhận ngoài những chứng cứ cung cấp cho Tòa án, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Trần Đại N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và gửi văn bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cho Tòa án xem xét.

Căn cứ quy định tại các Điều 76, 196, 207, 208, 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đức Tiến, bà Hồ Thị Mỹ H và Luật sư Trần Đại Nghĩa.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyển số 01, ngày 04/12/2003 tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ xác nhận hôn nhân giữa bà Hồ Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đức T là hợp pháp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức T không có mặt để trình bày ý kiến cũng như quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Qua đó xác định ông Nguyễn Đức T đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà Hồ Thị Mỹ H.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ mọi việc trong cuộc sống nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông T không còn sự chia sẻ lẫn nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Mặt khác, tình cảm của bà H dành cho ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống là chính đáng, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận nên chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 03/8/2007 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 03/02/2012.

Xét thấy, trẻ Nguyễn Đức A và Nguyễn Đức B hiện đang sống cùng với mẹ, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, vì lợi ích và đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Mỹ H được nuôi trẻ Nguyễn Đức A và Nguyễn Đức B. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị Mỹ H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Hồ Thị Mỹ H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 76, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 03/8/2007 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 03/02/2012.

Giao trẻ Nguyễn Đức A và Nguyễn Đức B cho bà Hồ Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà Hồ Thị Mỹ H không yêu cầu ông Nguyễn Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà Hồ Thị Mỹ H và ông Nguyễn Đức T đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị Mỹ H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Hồ Thị Mỹ H phải chịu số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0041339 ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; bà H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ

sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- UBND phường Bến Nghé, Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Quỳnh